

V, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số: 25/2024/QĐST-LĐ

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“Về việc: Tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH PHÚ T

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đào Thị H.
- Thư ký phiên họp: Bà Phùng Thị Hoàng Q - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh P.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh P tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh P mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST-LĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc “Tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 63/2024/QĐST-LĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đội 02, xã D, thành phố P, tỉnh P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh P.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, phường T, thành phố P, tỉnh P;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T; Chức vụ: Chuyên viên phòng quản lý thu - sổ thẻ. (Theo quyết định ủy quyền số: 02/2024/QĐ-UQ ngày 02/01/2024).

2. Công ty TNHH V.

Địa chỉ: Lô số 10, khu công nghiệp D, thành phố P, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Cao C, sinh năm 1977 (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2024).

3. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện P, tỉnh P.

(Các đương sự đều xin giải quyết vắng mặt).

NỘI D VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai chị Nguyễn Thị D trình bày: Tháng 9/2009 do không hiểu biết, chị có cho em gái ruột là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994 hiện ở khu 7, xã T, huyện Ph, tỉnh P mượn một bộ hồ sơ xin việc mang tên chị là Nguyễn Thị D để xin vào làm việc tại Công ty TNHH V có địa chỉ

tại khu công nghiệp D, thành phố P, tỉnh P. Sau khi vào làm việc thì chị H và Công ty TNHH V đã ký kết hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị D. Chị H đã làm việc tại Công ty TNHH V và được đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật với mã số bảo hiểm xã hội 2509015952 cho đến tháng 01/2012 thì thôi việc. Cũng trong khoảng thời gian này chị làm việc và đóng bảo hiểm xã hội theo mã số bảo hiểm 2511003636 tại Công ty TNHH K. Đến nay chị được cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh P thông báo chị đã bị trùng đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2012, lý do là có một hợp đồng lao động cũng mang tên Nguyễn Thị D đã đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH V. Nay chị xác định việc cho chị Nguyễn Thị Thu H mượn hồ sơ xin việc là không đúng và trái quy định của pháp luật, vì vậy chị làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh P tuyên hủy hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH V với chị Nguyễn Thị Thu H nhưng lấy tên chị là Nguyễn Thị D tháng 9/2009 là vô hiệu do có sự lừa dối và đề nghị thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2012 số sổ bảo hiểm 2509015952 theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh P và chị đồng ý trả lại số tiền thoái thu bảo hiểm xã hội này cho người lao động thực tế là chị Nguyễn Thị Thu H. Do công việc không thể xin nghỉ được nên chị xin vắng mặt tại phiên họp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Khoảng tháng 09/2009 do chị không hiểu biết pháp luật, nên đã mượn của chị gái là Nguyễn Thị D, sinh năm 1991 ở đội 02, xã D, thành phố P, tỉnh P một bộ hồ sơ để xin việc tại Công ty TNHH V có địa chỉ: Khu công nghiệp D, thành phố P, tỉnh P. Công ty TNHH V đã ký hợp đồng lao động với chị (nhưng lấy tên Nguyễn Thị D) và Công ty đóng bảo hiểm cho chị từ tháng 09/2009 đến tháng 01/2012 thì chị xin nghỉ việc không làm ở Công ty TNHH V, số sổ bảo hiểm là 2509015952. Trong thời gian chị làm việc ở Công ty TNHH V thì chị Nguyễn Thị D xin vào làm việc tại Công ty TNHH K và được Công ty TNHH K đóng bảo hiểm xã hội tại số sổ bảo hiểm 2511003636 nên có thời gian đóng trùng bảo hiểm với nhau.

Nay chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh P tuyên hủy Hợp đồng lao động ký giữa chị (nhưng lấy tên Nguyễn Thị D) và Công ty TNHH V tháng 9/2009 là vô hiệu do có sự lừa dối và đề nghị thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2012 số sổ bảo hiểm 2509015952 theo sự tính toán của bảo hiểm xã hội tỉnh P chị hoàn toàn đồng ý và chị mong muốn được nhận lại số tiền thoái thu bảo hiểm xã hội này cho người lao động thực tế là chị. Hiện nay do thời gian đã lâu nên chị không còn lưu giữ Hợp đồng lao động ký giữa chị dưới tên chị Nguyễn Thị D với Công ty TNHH V. Do công việc phải đi làm xa không có thời gian trực tiếp tham gia phiên họp nên chị có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh P do ông Trần Anh Tuấn là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Qua rà soát bảo hiểm xã hội (BHXH) trên hệ thống, Bảo hiểm xã hội tỉnh P phát hiện trường hợp chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991 ở xã D, thành phố P, tỉnh P có 02 số sổ bảo hiểm xã hội bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, cụ thể:

Số sổ 1: 2509015952 được cấp tại Công ty TNHH V, xã D, thành phố P, tỉnh P có thời gian tham gia BHXH từ tháng 09/2009 đến tháng 01/2012.

Số số 2: 2511003636 được cấp tại Công ty TNHH Kee Eun - V (Nay là Công ty TNHH Sein Together Kee Eun - V), xã D, thành phố P, tỉnh P, có thời gian tham gia BHXH từ tháng 09/2009 đến tháng 07/2023.

Tháng 09/2009, chị Nguyễn Thị Thu H (người mượn hồ sơ) đi làm tại Công ty TNHH V và tham gia BHXH theo mã số BHXH 2509015952. Thời điểm đó chị Nguyễn Thị D đang làm việc và có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Sein Together Kee Eun - V theo mã số BHXH 2511003636.

Nay chị Nguyễn Thị D trình bày là do thiếu hiểu biết nên đã cho chị Nguyễn Thị Thu H mượn hồ sơ để đi làm, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Thu H đã lấy 01 bộ hồ sơ, sơ yếu lý lịch mang tên Nguyễn Thị D để xin việc tại Công ty TNHH V. Trong thời gian chị Nguyễn Thị Thu H làm việc dưới tên Nguyễn Thị D tại Công ty TNHH V thì chị Nguyễn Thị D đang làm việc tại Công ty TNHH Sein Together Kee Eun - V, vì vậy người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH V và làm việc tại Công ty TNHH V là chị Nguyễn Thị Thu H.

Đối với việc đóng BHXH: Sau khi công ty và người lao động ký hợp đồng lao động, công ty sẽ gửi hồ sơ, danh sách người lao động đến cơ quan BHXH để làm thủ tục đóng BHXH theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Điều này đã dẫn đến việc chị Nguyễn Thị D có 02 số sổ BHXH trùng thời gian đóng BHXH tại 02 nơi làm việc khác nhau.

Quan điểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh P về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D như sau: Để đảm bảo quyền lợi cho chị Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án tuyên quyền lợi và nghĩa vụ của các bên như sau: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Đề nghị và yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh P: Thoái thu thời gian tham gia BHXH của mã số BHXH 2509015952, mang tên Nguyễn Thị D từ tháng 09/2009 đến tháng 01/2012 tại Công ty TNHH V, với tổng số tiền là: 8.238.360đ (*Tám triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi đồng*). Ngoài ra do công việc bận nên Bảo hiểm xã hội tỉnh P đề nghị được vắng mặt trong tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử, phiên họp giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH V do ông Ngô Cao Cường là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Tháng 9/2009, Công ty TNHH V có ký hợp đồng lao động với chị Nguyễn Thị D. Sau khi ký Hợp đồng lao động Công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho chị Nguyễn Thị D từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2012 thì chị D xin nghỉ việc, số sổ bảo hiểm xã hội là 2509015952 tại Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh P. Đến nay, chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động ký tháng 9/2009 giữa Công ty TNHH V với chị Nguyễn Thị D là vô hiệu do có sự lừa dối với lý do chị không hiểu biết pháp luật nên đã cho em gái là Nguyễn Thị Thu H mượn một bộ hồ sơ để xin việc tại Công ty TNHH V. Khi ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH V, chị Nguyễn Thị Thu H đã lấy tên của chị Nguyễn Thị D và Công ty đã đóng bảo hiểm cho Nguyễn Thị D (nhưng người lao động thực tế là chị Nguyễn Thị Thu H) tại số sổ bảo hiểm 2509015952 từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2012. Cũng trong thời gian này chị Nguyễn Thị D xin vào làm việc tại Công ty TNHH K và được Công ty KEE-EUN đóng bảo hiểm xã hội tại số sổ bảo hiểm 2511003636 nên có thời gian đóng trùng bảo hiểm với nhau. Nay chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh P tuyên hủy Hợp đồng lao

động ký giữa chị Nguyễn Thị D (do chị Nguyễn Thị Thu H mượn hồ sơ) và Công ty TNHH V tháng 9/2009 là vô hiệu do có sự lừa dối và đề nghị thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2012 số sổ bảo hiểm 2509015952.

Quan điểm của Công ty TNHH V: Công ty đồng ý Hợp đồng lao động ký tháng 9/2009 giữa Công ty TNHH V và chị Nguyễn Thị D (thực tế do chị Nguyễn Thị Thu H ký) là vô hiệu. Công ty cũng nhất trí với số tiền thoái thu thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2012 theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh P và số tiền thoái thu này được trả lại cho người lao động thực tế là chị Nguyễn Thị Thu H. Do khi người lao động nghỉ việc nên Công ty TNHH V đã trả lại hồ sơ xin việc cho công nhân nên không còn lưu giữ bản Hợp đồng lao động nào. Ngoài ra do công việc bận nên Công ty TNHH V xin được vắng mặt trong tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử, phiên họp giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án.

* Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự từ khi thụ lý việc dân sự đến khi mở phiên họp đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng phiên họp chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị D. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH V với chị Nguyễn Thị D tháng 9/2009 (do chị Nguyễn Thị Thu H mượn hồ sơ) là vô hiệu toàn bộ và giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ là thoái thu thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2012 tại sổ bảo hiểm xã hội số 2509015952 cấp tại Công ty TNHH V. Số tiền thoái thu theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh P là: 8.238.360đ (*Tám triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi đồng*) được trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H. Chị Nguyễn Thị D phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh P nhận định:

[1]. Về tố tụng: Hợp đồng lao động chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu được ký kết tại trụ sở Công ty TNHH V có địa chỉ tại khu công nghiệp D, thành phố P, tỉnh P. Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên họp người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH V và chị Nguyễn Thị D (do chị Nguyễn Thị Thu H mượn hồ sơ) vào tháng 9/2009 là vô hiệu thấy rằng: Chị Nguyễn Thị Thu H sử dụng hồ sơ của chị Nguyễn Thị D để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH V là có sự lừa dối do người lao động ký kết hợp đồng không đúng chủ thể, điều đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị D dẫn đến vi phạm quy định của

Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội nên yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của chị Nguyễn Thị D là có căn cứ được chấp nhận.

Thời gian Công ty TNHH V đóng bảo hiểm xã hội cho chị Nguyễn Thị Thu H (mượn tên chị Nguyễn Thị D) tại số sổ bảo hiểm 2509015952 từ tháng 09/2009 đến tháng 01/2012 thì cũng trong khoảng thời gian này chị Nguyễn Thị D đang làm việc tại Công ty TNHH K và được Công ty TNHH K đóng bảo hiểm xã hội tại số sổ 2511003636 nên đã dẫn đến có thời gian đóng trùng hai sổ bảo hiểm xã hội đều mang tên Nguyễn Thị D. Do Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH V và chị Nguyễn Thị D (thực tế do chị Nguyễn Thị Thu H ký) là vô hiệu, vì vậy phải giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu nên cần thoái thu toàn bộ thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2012 của số sổ bảo hiểm 2509015952 là đúng và số tiền thoái thu này theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh P là 8.238.360đ (*Tám triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi đồng*) được trả lại cho người lao động thực tế là chị Nguyễn Thị Thu H là phù hợp.

[3]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 132 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 6, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50; Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị D. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH V với chị Nguyễn Thị D tháng 9/2009 (do chị Nguyễn Thị Thu H mượn hồ sơ) là vô hiệu toàn bộ.

2. Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Thoái thu thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2012 tại sổ bảo hiểm xã hội số 2509015952 cấp tại Công ty TNHH V. Số tiền thoái thu theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh P là 8.238.360đ (*Tám triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi đồng*) trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị D (do bà Đinh Thị Mai nộp thay) đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0006223 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh P.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh P có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh P có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND TP. P, T P;
- Chi cục THADS TP. P, T. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đào Thị H